

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1248/2026/DS-PT
Ngày 23-6-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;

Ông Huỳnh Văn Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 806/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2026/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3407/2026/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 8759/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1961; địa chỉ: Số B, đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương Q, sinh năm 1999; địa chỉ: Số C, tổ C, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 06/10/2025); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số B, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp A, xã P, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên lạc: Số C, đường P, Khóm H, phường T, tỉnh Cà Mau và/hoặc anh Vương Văn H1, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ G, khu

phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 06/10/2025); có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Ngô Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Ngọc T do bà Nguyễn Phương Q làm đại diện hợp pháp trình bày:*

Ông Vũ Ngọc T có mối quan hệ quen biết với ông Ngô Văn H. Ông Ngô Văn H có ngỏ ý mượn tiền của ông T để thanh toán trả nợ vay đến hạn cho Ngân hàng và thanh toán tiền lương, thưởng cho nhân viên trong Công ty B1. Ông T đồng ý cho ông H vay tiền và cũng đã làm Giấy biên nhận vay tiền ngày 27/01/2024 với nội dung thỏa thuận như sau:

- Ông T đồng ý cho ông H vay số tiền là 1.300.000.000 đồng.

- Phương thức giao nhận là ông T chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản số 19135179469018 tại ngân hàng T1, chủ tài khoản Ngô Văn H; còn 300.000.000 đồng, ông T sẽ giao trực tiếp cho ông H ngay sau khi ông H ký tên vào Giấy biên nhận vay tiền này.

- Thời hạn vay là 10 tháng (mười tháng) tính từ ngày 27/01/2024 đến hết ngày 27/11/2024.

- Lãi suất hai bên thỏa thuận và thống nhất: 1,5%/tháng và thanh toán một lần khi đến hạn thanh toán tiền vay vào ngày 27/11/2024, số tiền lãi cụ thể là:

$1.300.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 195.000.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, sau ngày 27/11/2024, ông Ngô Văn H phải trả cho ông T toàn bộ số tiền gốc và lãi suất là: $1.300.000.000 \text{ đồng} + 195.000.000 \text{ đồng} = 1.495.000.000 \text{ đồng}.$

Tuy nhiên, ông T nhiều lần yêu cầu ông H trả toàn bộ số tiền gốc và lãi nhưng không nhận được sự hợp tác từ ông H, ông H trốn tránh trách nhiệm và không có thiện chí để trả nợ. Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của ông T được pháp luật bảo vệ đang bị ông H xâm phạm. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 15, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những nội dung sau:

1/ Buộc ông Ngô Văn H phải trả cho ông Vũ Ngọc T toàn bộ số tiền chưa thanh toán bao gồm số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận là: 1.495.000.000 đồng.

2/ Buộc ông Ngô Văn H thanh toán lãi chậm trả thời gian tạm tính từ ngày 28/11/2024 đến thời điểm dự kiến Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm là 28/01/2026 (mười bốn tháng) lãi suất tính theo mức lãi suất quá hạn của Ngân

hàng N tạm tính là 1%/tháng, cụ thể là: 1.495.000.000 đồng x 1%/tháng x 14 tháng = 209.300.000 đồng.

Tổng cộng, ông T yêu cầu ông Ngô Văn H thanh toán: 1.495.000.000 đồng + 209.300.000 đồng = 1.704.300.000đ (một tỷ, bảy trăm lẻ bốn triệu, ba trăm nghìn đồng).

** Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa, bị đơn ông Ngô Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, tham gia hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông H được.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Phương Q trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông H phải trả cho ông T toàn bộ số tiền chưa thanh toán bao gồm số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận là: 1.495.000.000 đồng; buộc ông H phải trả cho ông T tiền lãi chậm trả trên số tiền 1.495.000.000 đồng, thời gian từ ngày 28/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1%/tháng là: 228.735.000 đồng. Tổng cộng là: 1.723.735.000 đồng.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn B và ông Vương Văn H1 trình bày:

Vào các ngày 07, 08 và 09/12/2022, ông Vũ Ngọc T có chuyển khoản vào tài khoản của cá nhân ông Ngô Văn H tổng số tiền 1.000.000.000 đồng. Đến ngày 27/01/2024, ông H ký xác nhận nợ với ông T với số tiền 1.300.000.000 đồng, tuy nhiên việc ký tên bên phía người vay tiền là do ông T ép buộc ông H phải ký, hơn nữa đây chỉ là việc xác nhận lại số tiền vay vào năm 2022 với số tiền 1.000.000.000 đồng và ông T cũng không giao và ông H cũng không nhận số tiền 300.000.000 đồng theo như nội dung của Giấy biên nhận vay tiền. Ngoài giao dịch vào các ngày 07, 08 và 09/12/2022 thì giữa ông T và ông H không có giao dịch gì khác. Sau khi nhận tiền do ông T chuyển vào tài khoản của ông H vào tháng 12/2022 thì từ ngày 07/12/2022 đến ngày 31/01/2023 thì ông H đã chuyển toàn bộ số tiền này cho bà Trần Thị S là kế toán của Công ty Cổ phần B1, do đó đề nghị triệu tập bà S và Công ty Cổ phần B1 vào tham gia vụ án để làm rõ việc bà S nhận tiền từ ông H thì sử dụng vào mục đích gì. Ngoài ra, tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thừa nhận việc vay mượn tiền số tiền 1.000.000.000 đồng giữa ông T và ông H vào tháng 12/2022 là không có thỏa thuận về lãi nên đây là hợp đồng vay tài sản không có lãi; Giấy biên nhận vay tiền ngày 27/01/2024 chỉ là hợp đồng giả tạo nhằm che giấu khoản vay vào tháng 12/2022 nên ông H chỉ xác định có vay của ông T số tiền 1.000.000.000 đồng và không có lãi; do ông H vay tiền của ông T để sử dụng vào việc trả lương cho nhân viên của Công ty Cổ phần B1 và số tiền này đã được ông H chuyển khoản cho bà S là kế toán Công ty nên các cổ đông của Công ty Cổ phần B1 phải có trách nhiệm trả số tiền này cho ông T. Vì vậy, việc ông T yêu cầu ông H trả tổng số tiền 1.723.735.000 đồng thì ông H không đồng ý.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2026/DS-ST ngày 09/3/2026 của Tòa án nhân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Ngọc T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Ngô Văn H.

1.1. Buộc ông Ngô Văn H phải trả cho ông Vũ Ngọc T số tiền gốc và lãi phát sinh theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 27/01/2024 là: 1.718.762.500đ (một tỷ, bảy trăm mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

1.2. Kể từ ngày 10/3/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1.5%/tháng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Ngọc T về số tiền lãi phát sinh là: 4.972.500đ (bốn triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Ngô Văn H phải nộp 63.562.875đ (sáu mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

3.2. Ông Vũ Ngọc T thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 20/3/2026 bị đơn ông Ngô Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2026/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn H, sửa lại cách tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2026/DS-ST ngày 09-3-2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh về lãi suất của bên phải thi hành án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn H được thực hiện trong thời hạn luật định, nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[1.2] Ông H yêu cầu đưa bà S tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vì sau khi vay tiền từ ông T, ông H đã chuyển cho bà Trần Thị S là kế toán Công ty B1 để bà S chi trả tiền lương, tiền thưởng cho nhân viên Công ty B1. Căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp.

[2] Về nội dung.

[2.1] Ông Vũ Ngọc T và ông Ngô Văn H lập “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 27/01/2024, thể hiện nội dung:

“Ông Vũ Ngọc T đồng ý cho ông Ngô Văn H vay số tiền là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

Phương thức giao nhận. Ông T chuyển khoản số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) vào tài khoản số 19135179469018 tại Ngân hàng T1 cho chủ tài khoản là ông Ngô Văn H và 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) giao trực tiếp cho ông H ngay sau khi ông H ký tên vào Giấy biên nhận này...

Thời hạn vay là 10 tháng (mười tháng) tính từ ngày 27 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 27 tháng 11 năm 2024.

Lãi suất: Hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng và thanh toán một lần khi đến hạn thanh toán tiền vay vào ngày 27 tháng 11 năm 2024.

1.300.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 10 tháng = 195.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.300.000.000 đồng + 195.000.000 đồng = 1.495.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng”.

Quá trình tố tụng, ông H xác định chữ ký, chữ viết “Ngô Văn H” phía dưới mục người vay tiền là của ông H ký và viết.

[2.2] Đối với số tiền gốc:

Ông T xác định tổng số tiền ông T cho ông H vay là 1.300.000.000 đồng, trong đó 1.000.000.000 đồng được ông T chuyển khoản cho ông H vào tháng 12/2022 và 300.000.000 đồng tiền mặt được ông T giao cho ông H ngay sau khi ông H ký vào “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 27/01/2024. Ông H thừa nhận có vay ông T 1.000.000.000 đồng và được chuyển khoản vào tháng 12/2022, sau khi ký “Giấy biên nhận vay tiền” ông H không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông T.

Xét, “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 27/01/2024, được lập thành văn bản có chữ ký, ghi rõ họ tên của các đương sự, nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị thi hành đối với các bên. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông H phải trả số tiền đã vay 1.300.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, ông H cho rằng ông H ký “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 27/01/2024 nhằm mục đích chốt khoản nợ 1.000.000.000 đồng vay tháng 12/2022, còn số tiền 300.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng và việc ông H ký tên vào “Giấy biên nhận vay tiền” do bị ông T gây áp lực, nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Sau khi ký “Giấy biên nhận vay tiền” ông H không có bất kỳ khiếu nại nào đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, cũng như không có ý kiến gì đối với số tiền 300.000.000 đồng mà ông H chưa nhận.

[2.3] *Đối với số tiền lãi trên số tiền 1.300.000.000 đồng trong thời hạn 10 tháng với lãi suất là 1,5%/tháng là 195.000.000 đồng:*

Tại “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 27/01/2024, ông T và ông H thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 10 tháng (từ ngày 27/01/2024 – 27/11/2024). Tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự quy định: “... *khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng...*” và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Do ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, ông T yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 27/01/2024 đến ngày 27/11/2024 là 195.000.000 đồng, là có căn cứ.

[2.4] *Đối với số tiền lãi chậm trả 228.735.000 đồng trên tổng số tiền 1.495.000.000 đồng x 1%/tháng (tính từ ngày 28/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/3/2026).*

Như nhận định tại mục [2.2], [2.3] thì ông H phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 1.495.000.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 27/01/2024 đến ngày 27/11/2024 là 195.000.000 đồng), do ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 28/11/2024 thì khoản nợ trên chuyển qua nợ quá hạn.

Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả trên số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng: Theo hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì “*Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015*”. Do lãi suất trong hạn trên số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng, tuy nhiên phía nguyên đơn chỉ yêu cầu áp dụng lãi suất quá hạn là 1%/tháng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp, cụ thể: $1.300.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} \text{ 09 ngày (từ ngày 28/11/2024 đến ngày 09/3/2026)} = 198.900.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả trên số tiền lãi 195.000.000 đồng: Số tiền 195.000.000 đồng chính là số tiền lãi phát sinh trên số tiền 1.300.000.000 đồng (từ ngày 27/01/2024 - 27/11/2024). Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì “*Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Do đó, tiền lãi trên nợ lãi chỉ được áp dụng mức lãi suất là 10%/12tháng (tương đương với 0,8333%/tháng), việc ông T yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần là phù hợp, cụ thể: $195.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} \text{ 09 ngày (từ ngày 28/11/2024 đến ngày 09/3/2026)} = 24.862.500 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền ông H phải trả cho ông T theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 27/01/2024 và lãi phát sinh tính đến ngày 09/3/2026 là: 1.718.762.500 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông H.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông H là giám đốc Công ty B1, mục đích ông H vay tiền dùng để trả lương, thưởng cho công nhân của Công ty B1 được thể hiện trong “Giấy biên nhận vay tiền”. Sau khi vay tiền từ ông T, ông H đã chuyển cho bà Trần Thị S là kế toán Công ty B1 để bà S chi trả tiền lương, tiền thưởng cho nhân viên Công ty B1. Ông H yêu cầu đưa bà S tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ mục đích vay tiền và buộc bà S phải liên đới với ông H thanh toán nợ cho ông T, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 27/01/2024, thể hiện ông Vũ Ngọc T cho ông Ngô Văn H vay tiền, không thể hiện cho đại diện Công ty B1 vay tiền. Việc ông H chuyển số tiền đã vay cho bà Trần Thị S thì ông H có quyền khởi kiện bà S bằng vụ án khác nếu đủ điều kiện.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp, ông H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Tại mục 1.2 phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2026/DS-ST ngày 09/3/2026, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên: “ 1.2. Kể từ ngày 10/3/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1.5%/tháng”, là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên cho phù hợp.

[6] Án phí phúc thẩm: Ông Ngô Văn H kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn H.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2026/DS-ST ngày 09/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh về cách tuyên sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Ngọc T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Ngô Văn H.

Buộc ông Ngô Văn H phải trả cho ông Vũ Ngọc T số tiền gốc và lãi phát sinh theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 27/01/2024 là: 1.718.762.500đ (một tỷ, bảy trăm mười tám triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày 10/3/2026 cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Ngọc T về số tiền lãi phát sinh là: 4.972.500 đ (bốn triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.3.1. Ông Ngô Văn H phải nộp 63.562.875đ (sáu mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

2.3.2. Ông Vũ Ngọc T thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Ngô Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0018393 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 15;
- TAND Khu vực 15;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa DS, 15b (70).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huyền